TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 245/2019/HNGĐ – ST
Ngày 03- 6 - 2019.
V/v tranh chấp "Ly hôn và chia tài sản chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Mứt.

2. Ông Nguyễn Văn Sơn.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hữu Lộc– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú- tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Ông Phan Văn Y - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2018/TLST– HNGĐ ngày 07 tháng 03 năm 2018 về việc tranh chấp "Ly hôn và chia tài sản chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 990/2019/QĐST–HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Cao Thị Hiên Nh, sinh năm 1978, có mặt.

Địa chỉ: ấp TM, xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn T , sinh năm: 1966, có mặt.

Địa chỉ: ấp TM, xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Cao Thị Hiên Nh trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Lê Văn T tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Về con chung: chị và anh T có hai con chung tên Lê Thị Ngọc Th, sinh ngày 15/9/2004 và Lê Thị Mộng M, sinh ngày 27/01/1999. Hiện Lê Thị Mộng M đã có gia đình riêng còn Lê Thị Ngọc Th đang sống chung với chị.

Về tài sản chung: chị và anh T có tạo lập được các tài sản như sau:

- Thửa đất 289 tờ bản đồ số 10 có diện tích 192,7m^2, thửa 290 tờ bản đồ số 10 có diện tích 1.578,6m^2 và thửa 310 tờ bản đồ số 10 có diện tích 967,3m^2 cùng tọa lạc ấp TM, xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- 01 căn nhà kiên cố gồm: nhà chính, nhà sau, mái che có giá trị là 152.105.952 đồng.

- 01 chiếc xe hiệu Sirius biển số 71C3- 08981 có giá trị là 8.000.000 đồng.

- 11 cây dừa loại 1, 02 cây dừa loại 2, 04 cây dừa loại 3 và 03 hồ chứa nước bằng bê tông, không có cốt thép. Tổng giá trị là 23.752.800 đồng.

Tất cả các tài sản nêu trên hiện nay anh T là người trực tiếp quản lý, sử dụng.

- Về nợ chung: không có.

Từ năm 2014 chị với anh T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T nghi ngờ chị có quan hệ tình cảm với người khác nên anh T nhiều lần xúc phạm, đánh đập chị. Sự việc này gia đình cha mẹ hai bên đều biết nhưng không tổ chức hàn gắn cho chị và anh T, khi anh T đánh đập chị thì chị có yêu cầu Công an xã Mỹ An giải quyết, Công an xã Mỹ An có lập biên bản nhắc nhở anh T 01 lần. Năm 2016 anh T yêu cầu ly hôn với chị tại Tòa án nhưng sau đó anh T rút đơn yêu cầu khởi kiện. Năm 2017 chị yêu cầu ly hôn với anh T, khi đó Tòa án hòa giải, chị với anh T đoàn tụ với nhau nên chị rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ việc giải quyết vụ án nhưng sau đó chị với anh T tiếp tục phát sinh mâu thuẫn nên chị và con chung Lê Thị Ngọc Th bỏ nhà đi khoảng hơn 01 năm nay. Do đó, chị nhận thấy chị với anh T không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị yêu cầu giải quyết:

- Về hôn nhân: chị yêu cầu không công nhận chị với anh T là vợ chồng.

- Về con chung: đối với con chung tên Lê Thị Mộng M đã trưởng thành, có gia đình riêng nên chị không yêu cầu giải quyết. Đối với con chung Lê Thị Ngọc Th, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Khi chị với anh T còn sống chung thì 02 thửa đất 290, 310 chị với anh T đã cải tạo chung với nhau để nuôi tôm, chỉ có một đường nước để sử dụng, nếu chia đất thành 02 phần bằng nhau thì chị sẽ gặp khó khăn do không có đường cấp thoát nước và lối đi. Chị với anh T và gia đình anh T nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, không thể sống gần với nhau. Từ khi chị với anh T không còn sống chung đến nay anh T là người trực tiếp sử dụng sử dụng các tài sản nêu trên nên chị đồng ý giao toàn bộ tài sản chung cho anh T gồm: thửa 289 tờ bản đồ số 10 có diện tích 192,7m^2, thửa 290 tờ bản đồ số 10 có diện tích 1.578,6m^2 và thửa 310 tờ bản đồ số 10 có diện tích 967,3m^2 cùng tọa lạc ấp TM, xã MA, huyện P, một căn nhà kiên cố. anh T có nghĩa vụ chia cho chị ½ giá trị tài sản là đất và nhà là 171.903.976 đồng.

Đối với 11 cây dừa loại 1, 02 cây dừa loại 2, 04 cây dừa loại 3 và 03 hồ chứa nước chị đồng ý giao cho anh T tiếp tục sử dụng, chị không tranh chấp các tài sản này nên chị không yêu cầu giải quyết.

Chị tự nguyện rút yêu cầu về việc yêu cầu anh T chia cho chị ½ giá trị chiếc xe hiệu Sirius biển số 71C3- 089.81, chị đồng ý giao cho anh T tiếp tục sử dụng nên chị không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Chị đồng với kết quả đo đạc và định giá ngày 18/9/2018. Đối với các chi phí định giá, đo đạc chị tự nguyện nộp toàn bộ.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn Lê Văn T trình bày:

Anh thừa nhận về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung đúng như lời trình bày của chị N.

Các giấy chứng nhận về các thửa 289 tờ bản đồ số 10 có diện tích 192,7m^2, thửa 290 tờ bản đồ số 10 có diện tích 1.578,6m^2 và thửa 310 tờ bản đồ số 10 có diện tích 967,3m^2 cùng tọa lạc ấp TM, xã MA, huyện P hiện do anh quản lý, không thế chấp vay vốn cá nhân hay tổ chức nào nên anh và chị N không có nợ chung.

Anh thừa nhận thửa 289 tờ bản đồ số 10 có diện tích 192,7m^2, thửa 290 tờ bản đồ số 10 có diện tích 1.578,6m^2 và thửa 310 tờ bản đồ số 10 có diện tích 967,3m^2 cùng tọa lạc ấp TM, xã MA, huyện P, một căn nhà kiên cố và 01 chiếc xe hiệu Sirius biển số 71C3- 089.81, 11 cây dừa loại 1, 02 cây dừa loại 2, 04 cây dừa loại 3 và 03 hồ chứa nước là tài sản chung do anh và chị N tạo lập.

Anh và chị N không còn sống chung khoảng 04 năm, lý do: khi chị N đi nuôi bệnh cha chị N ở bệnh viện về thì chị N có những biểu hiện khác thường như nghe điện thoại lén lút, vô cớ bỏ nhà đi, anh nhiều lần tìm và hỏi lý do nhưng chị N không giải thích mà còn xúc phạm, thách thức anh và đập phá đồ đạc trong nhà. Sự việc này gia đình hai bên đều biết nhưng không tổ chức hàn gắn, anh có nhiều lần năn nỉ chị N về chung sống với anh nhưng chị N không đồng ý và bỏ nhà đi cho đến nay.

Đối với các yêu cầu của chị N, anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: anh yêu cầu không công nhận anh với chị N là vợ chồng.

- Về con chung: đối với con tên Lê Thị Mộng M đã trưởng thành, có gia đình riêng nên anh không yêu cầu giải quyết. Đối với con chung Lê Thị Ngọc Th nếu con chung có nguyện vọng với chị N thì anh đồng ý giao cho chị N trực tiếp nuôi nhưng anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: do chị N tự ý bỏ nhà đi nên anh không đồng ý chia các tài sản chung nêu trên theo yêu cầu của chị N. Anh yêu cầu được sử dụng toàn bộ diện tích 192,7m^2 thuộc thửa 289 tờ bản đồ số 10 tọa lạc ấp TM, xã MA,

huyện P và căn nhà tọa lạc trên đất. Anh đồng ý cho con chung Lê Thị Ngọc Th toàn bộ diện tích 967,3m^2 thuộc thửa 310 tờ bản đồ số 10 và diện tích khoảng 300m^2 thuộc thửa 290 tờ bản đồ số 10 cùng tọa lạc ấp TM, xã MA, huyện P.

Đối với 11 cây dừa loại 1, 02 cây dừa loại 2, 04 cây dừa loại 3 và 03 hồ chứa nước nếu chị Tới đồng ý giao cho anh tiếp tục sử dụng thì anh cũng đồng ý và không có ý kiến gì.

Anh đồng ý việc chị Tới tự nguyện rút yêu cầu về việc yêu cầu anh phải chia cho chị ½ giá trị chiếc xe hiệu Sirius nên anh không có ý kiến gì.

Theo anh, trước khi chị N bỏ nhà đi thì chị Tới có lấy 16,5 chỉ vàng 24k và các vật dụng trong gia đình nhưng anh không tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Anh đồng với kết quả đo đạc và định giá ngày 18/9/2018. Nếu chị N đồng ý nộp toàn bộ chi phí định giá, đo đạc thì anh cũng đồng ý nên không có ý kiến gì.

Tài sản tranh chấp được xem xét thẩm định, định giá cụ thể như sau:

- Về đất: diện tích 2738,6m^2 x 70.000 đồng/m^2= 191.702.000 đồng.

- 01 chiếc xe hiệu Sirius các đương sự thống nhất giá trị còn lại là 8.000.000 đồng.

- Về cây trồng:

+ Dừa loại 1: 11 cây x 1.500.000 đồng/cây = 16.500.000 đồng.

+ Dừa loại 2: 02 cây x 1.000.000 đồng/cây = 2.000.000 đồng.

+ Dừa loại 3: 04 cây x 500.000 đồng/cây = 2.000.000 đồng.

- 02 hồ chứa nước lớn, không bê tông, không cốt thép thể tích 3,14 x 0,85^2 x 1,7 = 3,8m^3. Thành tiền 7,6m^3 x530.000 đồng/m^3 x60% = 2.416.800 đồng.

- 01 hồ chứa nước nhỏ: bê tông, không cốt thép thể tích 3,14 x0,7^2 x1,2= 2,36m^3. Thành tiền 2,63m^3 x50.000 đồng/m^3 x60% = 836.340 đồng.

- Về nhà: căn cứ Quyết định số 50/2016/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre.

+ Nhà chính: khung móng cột bêtông cốt thép, tường bao che, xây gạch dày 100, ngăn phòng, nền lát gạch ceramic, mái lợp tole fibrôximăng, không trần, tường quyét vôi hoàn thiện. Diện tích 9,6m x 11,6m = 111,36m^2. Thành tiền 111,36m^2 x 2.260.000 đồng/m^2 x 0,60% x 95% = 143.453.952 đồng.

+ Nhà sau: khung cột bêtông cố thép, đúc sẵn nền bêtông, vách tole tráng kẽm, mái tole fibrôximăng, tỉ lệ còn lại 60%. Diện tích 3m x 4,8m = 14,4m$^{2.}$

Thành tiền 14,4m^2 x 550.000 đồng/m^2 x 60% = 4.752.000 đồng.

+ Mái che: cột bêtông cốt thép đúc sẵn, nền ximăng, mái lợp tole ximăng, tỉ lệ còn lại 60%. Diện tích 2,6m x 9,6m = 25m^2. Thành tiền 25m^2 x 2.600.00 đồng/m^2 = 3.900.000 đồng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình thự thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa. Xét thấy: yêu cầu khởi kiện của chị N là có căn cứ, phù hợp với qui định tại các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 14, 53, 59, 62, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cụ thể:

1. Về hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Cao Thị Hiên Nh với anh Lê Văn T.

2. Về con chung: ghi nhận sự tự nguyện của chị N và anh T. Giao con chung tên Lê Thị Ngọc Th, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2004 cho chị N trực tiếp nuôi. Do chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Đối với con chung tên Lê Thị Mộng M, sinh ngày 27/01/1999 đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị Hiên Nh về việc yêu cầu anh Lê Văn T phải chia cho chị ½ giá trị chiếc xe hiệu giá trị chiếc xe Sirius là 4.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị N giao cho anh T tiếp tục sử dụng toàn bộ diện tích 192,7m^2 thuộc thửa 289 tờ bản đồ số 10 tọa lạc ấp TM, xã MA, huyện P; diện tích 1578,6m^2 thuộc thửa 290 và diện tích 967,3m^2 thuộc thửa 310 tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại ấp TM, xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre và tài sản trên đất gồm: Nhà chính có diện tích 111,36m^2, nhà sau có diện tích 14,4m^2, Mái che có diện tích 25m^2.

Buộc anh Lê Văn T có nghĩa vụ chia cho chị N ½ giá trị các tài sản nêu trên với số tiền là 171.903.976 đồng.

Đối với 11 cây dừa loại 1, 02 cây dừa loại 2, 04 cây dừa loại 3 và 03 hồ chứa nước, 01 chiếc xe hiệu Sirius biển số 71C3-089.91 chị N tự nguyện giao

toàn bộ cho anh T tiếp tục sử dụng, chị N không tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thẩm quyền*: anh Lê Văn T có đăng ký hộ khẩu tại số nhà ấp TM, xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về quan hệ pháp luật*: Đây là vụ án "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về hôn nhân: chị N và anh T tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu chị và anh T sống chung hạnh phúc đến năm 2017 thì không còn sống chung. Xét thấy: chị N và anh T chung sống với nhau từ năm 1998, anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng nên không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Đồng thời, từ khi không còn sống chung đến nay chị N và anh T cũng không có thiện chí hàn gắn với nhau. Do đó, hôn nhân giữa chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Lẽ đó việc chị N và anh T yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh T là phù hợp với khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 qui định:

1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

2. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

Khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. *Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.*

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị N và anh T thống nhất có 02 con chung là cháu Lê Thị Mộng M sinh ngày 27/01/1999 đã trưởng thành và đã gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với cháu Lê Thị Ngọc Th, sinh ngày 15/9/2004 hiện đang chung sống với chị N. Do chị N và anh T thỏa thuận giao cháu Ngọc Th cho chị N trực tiếp nuôi là phù hợp với nguyện vọng của cháu Ngọc Th. Lẽ đó, ghi nhận sự tự nguyện của chị

N và anh T, giao con chung Lê Thị Ngọc Th, sinh ngày 15/9/2004 cho chị N trực tiếp nuôi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. anh T có quyền thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Chị N trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về tài sản chung: chị N và anh T thống nhất có tạo lập được các tài sản như sau: Thửa 289 tờ bản đồ số 10 có diện tích 192,7m^2, thửa 290 tờ bản đồ số 10 có diện tích 1.578,6m^2 và thửa 310 tờ bản đồ số 10 có diện tích 967,3m^2 cùng tọa lạc ấp TM, xã MA, huyện P, một căn nhà kiên cố, 11 cây dừa loại 1, 02 cây dừa loại 2, 04 cây dừa loại 3 và 03 hồ chứa nước, 01 chiếc xe hiệu Sirius biển số 71C3-089.81.

Chị N rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu anh T chia cho chị ½ giá trị là 4.000.000 đồng và tự nguyện giao chiếc xe cho anh T trực tiếp sử dụng. Xét thấy: việc việc rút yêu cầu chị N là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại các Điều 217, 218 và Điều 219 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị N đồng ý giao các tài sản chung còn lại cho anh T tiếp tục sử dụng, chị N yêu cầu anh T chia cho chị ½ giá trị là 171.903.976 đồng. anh T yêu cầu được sử dụng toàn bộ diện tích 192,7m^2 thuộc thửa 289 tờ bản đồ số 10 tọa lạc ấp TM, xã MA, huyện P và căn nhà tọa lạc trên đất. Anh đồng ý cho con chung Lê Thị Ngọc Th toàn bộ diện tích 967,3m^2 thuộc thửa 310 tờ bản đồ số 10 và diện tích khoảng 300m^2 thuộc thửa 290 tờ bản đồ số 10 cùng tọa lạc ấp TM, xã MA, huyện P. Anh không đồng ý chia các tài sản chung nêu trên theo yêu cầu của chị N do chị N tự ý bỏ nhà đi thì chị N không có quyền yêu cầu chia tài sản với anh. Hiện anh không đủ khả năng để chia ½ giá trị thành tiền cho chị N.

Tại phiên tòa chị N và anh T đều thừa nhận theo hiện trạng thì thửa 289 là nhà ở, thửa 290, 310 theo giấy chứng nhận là đất lúa nhưng thực tế từ lâu anh, chị đã cải tạo thành đất nuôi trồng thủy sản phía trước thửa 289, 290 là rạch, xẻo (xẻo Rũ), 02 thửa đất 290, 310 chỉ có một đường nước dẫn vào từ thửa 290. anh T thừa nhận, nếu cho đất cho con chung Lê Thị Ngọc Th thì về lâu dài cháu Th cũng gặp khó khăn trong việc sử dụng đất như: không có lối cấp thoát nước, lối đi. Còn chia giá trị thì anh không có khả năng. Xét thấy: trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa anh T đều thừa nhận các tài sản nêu trên là tài sản chung do anh và chị Tới tạo lập, cháu Lê Thị Ngọc Th còn nhỏ không có công sức đóng góp vào khối tài sản nêu trên. Do đó, việc anh T không đồng ý chia ½ giá trị tài sản chung cho chị N là không phù hợp với quy định tại các Điều 33, 59, 62 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét về nhu cầu chỗ ở thì anh T và chị N đều có nhu cầu như nhau, còn nhu cầu về sử dụng đất thì anh T có nhu cầu nhiều hơn chị N. Từ khi chị N với

anh T không còn sống chung thì anh T là người trực tiếp sử dụng đất. Mặc dù, hiện nay chị N chưa tạo lập được chỗ ở khác nhưng chị N vẫn tự nguyện giao toàn bộ tài sản chung là nhà, đất cho anh T tiếp tục sử dụng, nếu chấp nhận chia đất theo yêu cầu của anh T thì về lâu dài sẽ làm giảm giá trị quyền sử dụng sử dụng đất của các bên. Lẽ đó, việc chị N đồng ý giao tòan bộ tài sản nêu trên cho anh T tiếp tục sử dụng, anh T có nghĩa vụ chia cho ½ giá trị nhà, đất với số tiền 171.903.976 đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với 11 cây dừa loại 1, 02 cây dừa loại 2, 04 cây dừa loại 3 và 03 hồ chứa nước, 01 chiếc xe hiệu Sirius biển số 71C3-089.81, chị N tự nguyện giao toàn bộ cho anh T tiếp tục sử dụng, chị N không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: chị N và anh T trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình: chị Cao Thị Hiên Nh phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Cao Thị Hiên Nh, anh Lê Văn T phải nộp án phí có giá ngạch là 171.903.976 đồng x 5% = 8.595.198 đồng.

[8] Về chi phí tố tụng: chị Cao Thị Hiên Nh tự nguyện nộp toàn bộ là 1.715.000 đồng.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 14, 53, 59, 62, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Cao Thị Hiên Nh với anh Lê Văn T.

2. Về con chung: ghi nhận sự tự nguyện của chị N và anh T. Giao con chung tên Lê Thị Ngọc Th, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2004 cho chị N trực tiếp nuôi. Do chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Đối với con chung tên Lê Thị Mộng M, sinh ngày 27/01/1999 đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không xem xét giải quyết.

Anh Lê Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh Lê Văn T có thể thay đổi việc nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, chị Cao Thị Hiên Nh có thể yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị Hiên Nh về việc yêu cầu anh Lê Văn T phải chia cho chị ½ giá trị chiếc xe hiệu giá trị chiếc xe Sirius là 4.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị N giao cho anh T tiếp tục sử dụng toàn bộ diện tích 192,7m^2 thuộc thửa 289 tờ bản đồ số 10; diện tích 1578,6m^2 thuộc thửa 290 và diện tích 967,3m^2 thuộc thửa 310 tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại ấp TM, xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre và tài sản trên đất gồm:

+ Nhà chính: khung móng cột bêtông cốt thép, tường bao che, xây gạch dày 100, ngăn phòng, nền lát gạch ceramic, mái lợp tole fibrôximăng, không trần, tường quyét vôi hoàn thiện, diện tích 111,36m^2.

+ Nhà sau: khung cột bêtông cố thép, đúc sẳn nền bêtông, vách tole tráng kẽm, mái tole fibrôximăng, diện tích 14,4m$^{2.}$

+ Mái che: cột bêtông cốt thép đúc sẳn, nền ximăng, mái lợp tole ximăng, diện tích 25m^2.

Buộc anh Lê Văn T có nghĩa vụ chia cho chị N ½ giá trị các tài sản nêu trên với số tiền là 171.903.976 đồng.

Việc giao đất, giao nhà, giao các tài sản đầu tư trên đất và giao tiền giữa chị Cao Thị Hiên Nh với anh Lê Văn T được thực hiện trong cùng một thời gian.

Về độ dài tứ cận, vị trí thửa đất có trích lục họa đồ hiện trạng sử dụng thửa số 289, 290, 310 tờ bản đồ số 10 tọa lạc ấp TM, xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre kèm theo.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đối với 11 cây dừa loại 1, 02 cây dừa loại 2, 04 cây dừa loại 3 và 03 hồ chứa nước, 01 chiếc xe hiệu Sirius có biển số 71C3-089.81, chị N tự nguyện giao toàn bộ cho anh T tiếp tục sử dụng, chị N không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

- Chị Cao Thị Hiên Nh phải nộp là 8.595.198 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.477.600 đồng tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú theo biên lai thu số 0014355 ngày 06 tháng 3 năm 2018. Và số tiền 919.949 đồng theo biên lai thu số 0001557 ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú. Chị Cao Thị Hiên Nh còn phải nộp là 4.197.649 đồng.

- Anh Lê Văn T phải nộp là 8.595.198 đồng.

6. Về chi phí định giá: chị Cao Thị Hiên Nh tự nguyện nộp 350.000 đồng và đã nộp xong.

7. Về chi phí đo đạc: chị Cao Thị Hiên Nh tự nguyện nộp 1.365.000 đồng và đã nộp xong.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-VKSND huyện;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sơn– Phan Thị Cẩm Hồng **Trần Thị Vân**

Caùc Hoäi thaåm nhaân daân
Chuû toaï phieân toaø

Thaåm phaùn –

Nguyễn Văn Chót – Phạm Minh Đạt

Huyønh Thò Pheâ